

越南順化以北地區 2018 年「臺灣獎學金」申請辦法

駐越南臺北經濟文化辦事處 2018 年 1 月 30 日公告

中華民國(臺灣)教育部為鼓勵越南優秀青年學生到臺灣各大學攻讀學位，獲取各學術領域專業知識技能，為臺-越雙方社經發展與文教交流各層面作出具體貢獻，特別設置「臺灣獎學金」，歡迎越南各地優秀青年學生提出申請。2018 年臺灣獎學金申請辦法說明如下：

一、獎學金名額：

越南順化(含)以北地區共 26 名。

二、獎學金期限：

(一) 攻讀各級學位者，受獎期限如下：

大學部：4 年

碩士班：2 年

博士班：4 年

(二) 年度受獎期間：每年 9 月 1 日起至次年 8 月 31 日止。受獎生應按時抵校註冊，未能於規定期限來臺就學者，視同放棄受獎資格，不得保留至下年度，缺額並由備取人依序遞補。但經相關學校及教育部事先核准延期來臺就學者，不在此限。

(三) 總受獎期限：各級學位最長受獎期限，大學部四年、碩士班二年、博士班四年。但每名受獎生受領本獎學金總期限累計不得超過五年。

(四) 生活補助費核給期限，自受獎生實際就學當月起至受獎期限屆滿、畢業、休學、退學或獎學金受註銷月止。

三、獎學金待遇：

臺灣教育部為獎勵優秀越南學生來臺灣攻讀學士、碩士及博士學位，提供每名受獎生待遇如下：

(一) 學費及部分雜費：學費及雜費（包括學分費及學雜費基數）。受獎生學費及雜費上限於新臺幣 4 萬元以內（約為 1,290 美元），由本部核實補助，超過新臺幣 4 萬元者，不足部分由受獎生自行繳交就讀學校；雜費不包括代收代辦費、論文指導費、保險、住宿及網路使用費等相關費用，由受獎生自行負擔。

(二) 生活補助費：教育部補助大學生每月新臺幣 15,000 元（約為 500 美元）；碩士及博士生每月新臺幣 20,000 元（約為 670 美元）。

四、申請期限：

自 2018 年 2 月 1 日起至 3 月 31 日止，收件截止時間以郵局蓋章日期為準。

五、申請資格：

- (一) 申請人須為越南公民，具有越南國籍且戶籍地址須為順化(含)以北地區，具越南高級中等以上學校畢業學歷，學業成績優良，品行端正。
- (二) 有下列情形之一者，不得申請：
 1. 具有中華民國國籍或僑生身分。
 2. 已保留國內大學校院學籍或已在臺灣註冊入學就讀國內大學校院者。但申請下一階段學位獎學金之應屆畢業生，不在此限。
 3. 曾在臺灣就讀擬申請之同一級學位課程。
 4. 在臺灣就學期間為我各大學校院依據與外國學校簽訂學術合作協議所招收之交換學生或雙(聯)學位生。
 5. 受領本計畫各級學位課程獎學金總期限超過五年。
 6. 曾被註銷本獎學金或教育部華語文獎學金受獎資格。
 7. 在臺灣就學期間同時受領臺灣政府機關(構)或學校所設置之獎補助金，不包括由就讀學校配合本項獎學金執行計畫，於超過教育部補助學雜費上限金額時，所提供受獎生學雜費部分補助款。
- (三) 申請人應於各校規定申請期限內，自行向臺灣各大學院校申請入學(可自 Study in Taiwan 網站查詢臺灣大學及課程列表：<http://www.studyintaiwan.org/university>)。
- (四) 部分臺灣大學提供受獎生學雜費減免優待，詳見「大學校院提供教育部臺灣獎學金受獎生學雜費優惠彙整表」
- (五) 部分臺灣大學提供全英語授課學程，詳見「107 學年臺灣獎學金全英語學程參考清單」

六、申請文件：

申請人須備齊下列申請文件，於申請期限內郵寄或送交報名地點：

- (一) 「臺灣獎學金」申請表 1 份(須黏貼 3 個月內 2 吋照片 1 張)。
- (二) 越南籍身分證件或護照影本 1 份及戶籍影本，戶籍地址須為順化(含)以北地區。
- (三) 最高學歷畢業證書及成績單影本各 1 份，須經各省公證處翻譯為中(英)文，並經越南外交部領事事務局驗證。
- (四) 自行向臺灣公私立大學申請入學之相關證明文件影印本 1 份(例如：已填寄之入學申請表、申請入學之學校回函、繳納報名費之收據等文件)。
- (五) 外語能力成績合格證明影本：
 1. 申請就讀以華語授課之學程者，應提交華語文能力測驗 TOCFL (Test of Chinese as a Foreign Language) 第 3 級以上合格證書或成績單影本 1 份(HSK 不予受理)。
 2. 申請就讀全英語授課學程者(詳附件-全英語學程清單)，應提交有效之英語托福測驗成績(TOEFL)紙筆式(pBT) 500 分或網路式 60 分以上，或其

他國際公認之英語能力測驗(例如：IELTS 5.5, TOEIC 600 等)相當等級成績證明影本 1 份，正式錄取後須繳驗正本。

(六)推薦信 2 封。

(七)申請就讀全英語學程者，應為教育部認可之全英語學程。若非教育部公告之英語學程，申請人應向擬就讀大學取得學校（非校內單位）開立之全英語學程證明文件。

(八)讀書計畫。

七、申請地點：

戶籍在順化市(含)以北地區的申請人，請將獎學金申請資料寄送至下列地址：

駐越南臺北經濟文化辦事處教育組

河內市紙橋郡春水路 239 號 HITC 大樓 3 樓 305 室

洽詢：Tel: 024-38335501 ext. 458~459 Fax: 04-32262114

Email: tweduvn@gmail.com

****順化市以南地區申請人，請向駐胡志明市臺北經濟文化代表處教育組申請；洽詢電話: 028-38349160 ext. 2202~2203;**

Email: education@tweduvn.org。

八、審核項目：

審核標準主要是參考申請人所提交之(1)進修計畫、(2)學業成績、(3)語文能力、(4)推薦信函、(5)面談表現。

(註：受獎生在校學業成績 GPA 總平均分數倘為 4.5 分為滿分時，大學部應於平均分數達 3 分以上，碩士班成績應於平均分數達 3.5 分以上)

九、作業時程：

2018 年 2 月 1 日至 3 月 31 日受理申請；4 月至 5 月進行資料審查與面談，6 月初公告初選正取及備取人名單；6 月 18 日前，初選正取及備取人均須繳交大學入學同意函及驗證妥當之學歷文件(畢業證書及成績單)；6 月底前公告正式錄取人名單，並將擇期發給臺灣獎學金證明書；錄取人應於 7 月底前參加留學行前說明會(受獎人若是應屆畢業生，須於 7 月 20 日前繳交正式畢業證書或臨時畢業證明，未如期繳交者不能獲頒獎學金證明書)；8 月申請臺灣簽證(免費)，自行訂購機票，並於學校開學前搭機赴臺灣留學。受獎生就讀學位課程之受獎期限屆滿後，如擬繼續留臺攻讀下一級學位課程，應於預訂畢業當年 2 月 28 日前，依第五點規定檢具各相關文件向原駐外館處重新申請，以新生方式參加遴選作業；其獎學金期限不得違反第四點第二款第五目總受獎期限最長五年之規定。

十、受獎生應遵守事項：

- (一)除教育部及各大學補助費用之外，受獎生應自行繳納之其他費用，如因經濟情況困難，可向就讀學校申請自生活補助費中予以扣繳支付。
- (二)受獎生應備妥「健康檢查合格證明表」及「臺灣獎學金證明函」，向駐越南臺北經濟文化辦事處(在河內)申請赴臺灣留學居留簽證，免付簽證費。
- (三)受獎生在校學業、操行成績或出缺席紀錄未達就讀學校規定標準者，依各該校規定，予以停發或註銷本獎學金。
- (四)受獎生不可同時受領臺灣政府機關(構)或學校設置之獎補助金，如有違反，將註銷本獎學金受獎資格，並追繳重複領取之生活補助費及學雜費。
- (五)受獎生應依規定加入臺灣全民健康保險，未加入前，應購買其他相關醫療保險以及學生平安保險。
- (六)受獎生來臺就讀後，不得以交換學生身分或參加雙(聯)學位課程，赴其他國家修讀。倘以交換學生或雙(聯)學位生身分出國就讀，即註銷獎學金資格，所餘受獎期限不得保留或展延，因學校學程規定，須出國實習時，得不予註銷獎學金資格。但不予補助該學期學雜費及不在臺期間之生活補助費。
- (七)受獎生在臺灣不得非法工作，如經查獲未申請核准即在臺灣工作者，除立即註銷其受獎資格外，並應繳回自聘僱日起已獲領之本獎學金生活補助費。
- (八)受獎生申請獎學金所繳文件或入學證明文件有偽造、假借、塗改或填列不實等情事，撤銷其獎學金，並追繳自受獎日起至撤銷受獎日止補助之生活補助費及學雜費。
- (九)受獎生應簽署「臺灣獎學金承諾書」1份，遵守臺灣法令規章及本獎學金相關規定。
- (十)受獎生之學期學業平均成績應達下列標準，始得續領獎學金：
 - 1.大學部最低七十分，研究所最低八十分；如各大學校院系所另有較高標準者，依其規定辦理。
 - 2.就讀博士班第三年以上者，其成績計算方式及學期成績基準，依各大學校院規定辦理。
- (十一)受獎生轉換學校、系或所規定如下：
 - 1.受獎生於就讀申請入學之大學校院、系或所達一學期以上，經擬轉出及轉入校院核准，依各校自行訂定之相關規定辦理轉學、轉系或所。受獎期間內受獎生於同一級學位之轉學、轉系或所以一次為限。
 - 2.受獎生擬轉換學校、系或所之不同學位課程時，應向我國駐外館處重提申請，不得以續領方式轉換不同學程。
 - 3.受獎生轉學時，原就讀學校應敘明受獎生受獎類別、受獎起訖年月及轉出年月，函知受獎生及其轉入學校。轉入學校應敘明同意受獎生轉入年月，函復受獎生及其轉出學校。轉出及轉入學校函件均應副知教育部、

相關駐外館處及教育部指定單位。

(十二)受獎生應配合教育部針對臺灣獎學金生之政策，參與語文、文化等教學、交流、活動。

十一、消息公告：

駐越南臺北經濟文化辦事處 http://www.roc-taiwan.org/vn_vi/index.html

駐越南臺北經濟文化辦事處教育組 <http://www.tweduvn.org>

Hướng dẫn xin học bổng Đài Loan năm 2018 Khu vực từ Huế trở ra Bắc Việt Nam

Thông báo của Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam
ngày 30 tháng 1 năm 2018

Nhằm khuyến khích sinh viên ưu tú Việt Nam sang học Đài Loan học chương trình học vị để gặt hái những kiến thức mọi chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau, đóng góp cho sự giao lưu văn hóa và sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và Đài Loan. Chính phủ Đài Loan đặc biệt thành lập “Học bổng Đài Loan”, hoan nghênh các sinh viên ưu tú của Việt Nam nộp hồ sơ xin học bổng. Hướng dẫn cụ thể của cách xin học bổng Đài Loan năm 2018 cụ thể như sau:

I. Số suất học bổng:

Khu vực từ Huế trở ra Bắc Việt Nam tổng cộng có 26 suất.

II. Thời gian nhận học bổng:

1. Học các chương trình học vị, thời gian nhận học bổng như sau:

Đại học: 4 năm

Thạc sĩ: 2 năm

Tiến sĩ: 4 năm

2. Thời gian nhận học bổng trong năm: từ ngày 1 tháng 9 hàng năm cho đến ngày 31 tháng 8 năm sau. Ứng viên nhận học bổng (sau đây gọi tắt là Ứng viên) phải tuân thủ theo thời gian nhận học bổng đến Đài Loan đăng ký đúng hạn quy định. Trong thời gian quy định Ứng viên không đến Đài Loan du học, đồng nghĩa với việc từ bỏ tư cách nhận học bổng, không được bảo lưu cho năm sau, suất học bổng đó được chuyển cho người dự bị. Tuy nhiên, nếu trước đó đã được trường theo học hoặc Bộ Giáo dục chấp nhận cho bảo lưu, thì Ứng viên đó được bảo lưu cho năm tới.

3. Tổng thời gian nhận học bổng: Thời gian nhận học bổng của học vị: Đại học 4 năm, thạc sĩ 2 năm, tiến sĩ 4 năm. Tổng số năm được nhận học bổng Đài Loan không quá 5 năm.

4. Thời gian cấp sinh hoạt phí: Từ tháng đầu tiên Ứng viên sang Đài Loan nhập học cho đến hết thời hạn nhận học bổng, hoặc kết thúc cấp kinh phí học bổng khi Ứng viên tốt nghiệp, bảo lưu hoặc nghỉ học.

III. Chế độ học bổng:

Để khích sinh viên ưu tú Việt Nam sang Đài Loan học cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ, Bộ giáo dục Đài Loan có những chế độ đãi ngộ cho từng sinh viên như sau:

1. Học phí và một phần chi phí khác: Học phí và chi phí khác (bao gồm phí học phần và tạp phí căn bản). Mỗi học kỳ tiền học phí và một phần chi phí khác trong khoảng 40,000 Đài tệ (tương đương 1,290 USD) sẽ do Bộ giáo dục Đài Loan hỗ trợ, nếu vượt quá 40,000 Đài tệ, phần vượt quá đó sẽ do Ứng viên tự đóng cho trường đang theo học. Chi phí khác không bao gồm: phí do nhà trường ứng trước tổ chức những hoạt động cho sinh viên, phí hướng dẫn làm luận văn, phí mua bảo hiểm, phí ở và phí sử dụng internet, những chi phí này do sinh viên nhận học bổng tự chi trả.
2. Hỗ trợ sinh hoạt phí: Bộ giáo dục hỗ trợ cho Ứng viên đại học mỗi tháng 15,000 Đài tệ (khoảng 500 USD), nghiên cứu sinh thạc sĩ và tiến sĩ mỗi tháng 20,000 Đài tệ (khoảng 670 USD).

IV. Thời gian nộp hồ sơ xin Học bổng:

Từ ngày 1 tháng 2 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2018. Thời gian nhận hồ sơ dựa trên dấu bưu điện.

V. Điều kiện xin học bổng:

1. Người xin học bổng phải là công dân Việt Nam, mang quốc tịch Việt Nam, có hộ khẩu từ Huế trở ra Bắc, Tốt nghiệp THPT trở lên, thành tích học tập khá, phẩm chất đạo đức tốt.
2. Nếu thuộc diện dưới đây, không được tham gia học bổng này:
 - a. Kiềm bào của Trung Hoa Dân Quốc tại nước ngoài hoặc mang quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc.
 - b. Đã bảo lưu kết quả học tập tại Đài Loan, hoặc đã đăng ký nhập học tại các trường Đại học Đài Loan. Nhưng nếu sinh viên sắp tốt nghiệp tham gia học bổng này để xin cấp học cao hơn thì không bị hạn chế.
 - c. Đã từng học tại Đài Loan cùng cấp học vị muốn xin trong học bổng này.
 - d. Là sinh nằm trong diện trao đổi sinh viên giữa các trường Đại học Đài Loan và các trường nước ngoài.
 - e. Tổng thời gian nhận học bổng này của các cấp học vị với tổng thời gian quá 5 năm.
 - f. Từng bị hủy tư cách nhận học bổng Đài Loan hoặc học bổng tiếng Hoa Bộ giáo dục Đài Loan.
 - g. Trong thời gian học tập tại Đài Loan đồng thời nhận thêm học bổng của các cơ quan chính phủ Đài Loan hoặc học bổng của các trường Đại học Đài Loan. Trong đó không tính bao gồm phần học phí trường cam kết chi trả trong nếu vượt quá mức quy định của Bộ Giáo dục Đài Loan trong chương trình học bổng này.
3. Các ứng viên chiếu theo quy định xin nhập học của các trường Đại học công lập và dân lập Đài Loan để nộp hồ sơ xin giấy báo nhập học. (có thể tham khảo thông tin trường và chương trình học trên website: <http://www.studyintaiwan.org/university>)

4. Các ứng viên tham khảo Danh sách các trường Đại học Đài Loan ưu đãi học phí cho học sinh.
5. Các ứng viên tham khảo Danh sách các chương trình học bằng tiếng Anh.

VI. Các giấy tờ cần thiết khi xin học bổng:

Người xin học bổng cần chuẩn bị những giấy tờ sau, gửi qua đường bưu điện hoặc trực tiếp mang đến nơi tiếp nhận hồ sơ theo đúng thời gian quy định:

1. Điền đầy đủ thông tin vào đơn xin “Học bổng Đài Loan” (dán kèm 1 ảnh 4x6 chụp trong 3 tháng gần nhất).
2. 1 bản photo giấy CMND hoặc hộ chiếu và 1 bản photo hộ khẩu, địa chỉ hộ khẩu phải từ Huế trở ra Bắc.
3. 1 bản photo bằng tốt nghiệp cao nhất và bảng điểm đã được các phòng công chứng dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Hoa có đóng dấu xác nhận của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Việt Nam.
4. 1 bản photo những giấy tờ xin nhập học tại các trường Đại học công và dân lập Đài Loan (ví dụ: mẫu đơn đã điền đầy đủ thông tin xin nhập học, thư thông báo nhập học của trường, biên lai nộp hồ sơ sang trường Đài Loan...).
5. Photo Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ:
 1. Những sinh viên xin học chương trình bằng tiếng Hoa, phải nộp Chứng chỉ hoặc bản photo bảng điểm Năng lực Hoa ngữ TOCFL (Test of Chinese as a Foreign Language) cấp 3 (cấp Tiến cấp) trở lên và cần nộp cả bản chính để đối chiếu, sau khi hoàn tất sẽ hoàn trả lại (Không chấp nhận Chứng chỉ HSK).
 2. Những sinh viên xin học chương trình hoàn toàn bằng tiếng Anh, phải nộp bản photo Chứng chỉ Anh văn TOEFL (pBT) 500 điểm hoặc TOEFL (iBT) 60 điểm trở lên, hoặc những chứng chỉ Anh văn khác được quốc tế công nhận (như IELTS 5.5, TOEIC600). Chứng chỉ phải còn hiệu lực.
6. Hai thư giới thiệu của hiệu trưởng, giáo sư hoặc giáo viên hướng dẫn, lãnh đạo nơi đang công tác.
7. Những ứng viên xin học bổng bằng tiếng Anh phải căn cứ theo Danh sách các chương trình học bằng tiếng Anh để lựa chọn chương trình học phù hợp. Nếu xin học các chương trình bằng tiếng Anh không thuộc phạm vi đề cập trong danh sách trên, ứng viên phải tự liên hệ với trường Đại học mà mình đăng ký xin cấp Giấy xác nhận chương trình học đó được dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh.
8. Kế hoạch học tập.

VII. Nơi nộp hồ sơ:

Đối với những người có hộ khẩu từ Huế trở ra Bắc (bao gồm Huế), mời nộp hồ sơ tới địa chỉ dưới đây: Phòng giáo dục – Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài

Bắc tại Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ: P.305, tầng 3, tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 024-38335501 ext 458-459

Fax: 024-32262114

Email: tweduvn@gmail.com

Chú ý: Những người có hộ khẩu từ Huế trở vào Nam (không bao gồm Huế) vui lòng liên lạc với Phòng Giáo dục Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028-38349160 ext 2202-2203 Email: education@tweduvn.org

VIII. Tiêu chí đánh giá:

Chủ yếu dựa vào (1) Kế hoạch học tập (2) Thành tích học tập (3) Năng lực ngoại ngữ (4) Thư giới thiệu (5) Khả năng thể hiện khi phỏng vấn.

(Chú ý: Nếu tính theo thang điểm GPA với tổng điểm trung bình chung cao nhất là 4.5, thì sinh viên đi học đại học phải phải có tổng điểm trung bình chung đạt 3 điểm trở lên, học thạc sĩ phải có tổng điểm trung bình chung đạt 3.5 điểm trở lên).

IX. Tiến độ xét duyệt:

Từ ngày 1 tháng 2 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018 tiến hành nhận hồ sơ; từ tháng 4 đến tháng 5 tiến hành xét duyệt hồ sơ và phỏng vấn; đầu tháng 6 công bố danh sách sơ tuyển chính thức và dự bị; trước ngày 18 tháng 6, ứng viên nằm trong danh sách sơ tuyển chính thức và dự bị phải nộp giấy thông báo nhập học và bằng cấp đã được công chứng (bằng tốt nghiệp và bằng điểm); trước cuối tháng 6 thông báo danh sách trúng tuyển chính thức đồng thời cấp giấy Chứng nhận học bổng Đài Loan. Trước cuối tháng 7 Ứng viên trúng tuyển tham gia buổi tọa đàm về du học Đài Loan (Nếu ứng viên trúng tuyển là sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp, yêu cầu trước ngày 20/7 phải nộp bổ sung Chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc Bằng tốt nghiệp chính thức, sau thời gian quy định sẽ không được xem xét cấp Chứng nhận Học bổng); tháng 8 làm visa (miễn phí), tự đặt vé máy bay và chuẩn bị sang Đài Loan du học theo thời gian quy định của trường. Sau khi hoàn thành chương trình học vị, nếu muốn tiếp tục học tập học vị cao hơn tại Đài Loan, trước ngày 28/2 hàng năm, căn cứ theo điều 5 chuẩn bị đầy đủ hồ sơ nộp lại cho Văn phòng đại diện của Đài Loan tại đất nước của ứng viên đó xin lại từ đầu, sẽ được xét với tư cách ứng viên mới, nhưng tổng thời gian nhận học bổng Đài Loan không được vi phạm mục 5 khoản 2 điều 4, không được vượt quá 5 năm.

X. Những điều người nhận học bổng phải tuân thủ:

1. Ngoài những phí trợ cấp mà Bộ giáo dục và các trường hỗ trợ ra, sinh viên nhận học bổng phải tự đóng những chi phí cần đóng khác, nếu người có kinh tế khó khăn, có thể xin với trường đang theo học trừ những chi phí đó vào tiền hỗ trợ sinh hoạt phí hàng tháng.
2. Ứng viên phải chuẩn bị “Giấy khám sức khỏe” và “Chứng nhận học bổng Đài Loan”, đến Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội xin visa cư trú,

- ứng viên được miễn chi phí làm visa.
3. Ứng viên khi học tập tại trường, thành tích học tập và thời gian vắng học nếu không phù hợp với tiêu chuẩn của nhà trường, dựa vào quy định của các trường có thể ngừng phát hoặc hủy bỏ tư cách nhận học bổng này.
 4. Ứng viên nhận học bổng Đài Loan không được đồng thời nhận học bổng khác của Chính phủ Đài Loan hoặc học bổng của trường, nếu có vi phạm, sẽ hủy bỏ tư cách nhận học bổng này, đồng thời truy thu tiền trợ cấp sinh hoạt phí và tiền tạp phí đã cấp trước đó.
 5. Theo quy định Ứng viên phải tham gia bảo hiểm y tế toàn dân của Đài Loan, trước khi tham gia loại bảo hiểm này, nên mua các loại bảo hiểm xã hội khác hoặc bảo hiểm sinh viên.
 6. Ứng viên nhận học bổng này, không được đi thực tập nước ngoài với thân phận trao đổi sinh viên hoặc sinh viên trong chương trình liên kết. Nếu bị phát hiện sẽ bị hủy tư cách học bổng, không được tiếp tục nhận học bổng. Nếu vì chương trình học của trường quy định phải đi nước ngoài thực tập, thì sẽ không bị hủy tư cách nhận học bổng. Nhưng thời gian đi thực tập tại nước ngoài sẽ không được nhận tiền tạp phí và tiền trợ cấp sinh hoạt phí.
 7. Ứng viên ngoài việc đi thực tập do môn học bắt buộc ra, không được đi làm thêm. Nếu bị phát hiện, trường đang theo học sẽ hủy tư cách nhận học bổng, đồng thời sẽ bị truy thu lại tiền học bổng đã phát trước đó.
 8. Đơn xin học bổng và giấy báo nhập học từ các trường Đại học của các ứng viên không được giả mạo, bôi xóa hay làm giả, nếu vi phạm sẽ bị đình chỉ tư cách nhận học bổng và ứng viên đó cũng phải hoàn trả lại học phí và các chi phí khác do học bổng trợ cấp từ ngày bắt đầu nhận đến ngày bị đình chỉ.
 9. Ứng viên phải ký vào “Giấy cam kết học bổng Đài Loan”, tuân thủ pháp luật Đài Loan và những quy định liên quan của học bổng này.
 10. Thành tích học tập của ứng viên phải đạt mức quy định như sau, mới được tiếp tục nhận học bổng:
 - a. Đại học thấp nhất là 70 điểm, nghiên cứu sinh thấp nhất là 80 điểm; Nếu mức điểm của các trường cao hơn, thì sẽ căn cứ vào mức điểm của các trường.
 - b. Ứng viên học tiến sĩ, bắt đầu năm thứ 3, cách tính điểm và mức điểm cơ sở sẽ do các trường quy định.
 11. Những quy định khi ứng viên chuyển ngành, chuyển trường như sau:
 - a. Ứng viên phải hoàn thành từ một học kỳ trở lên tại trường đã xin nhập học, sau khi thông qua sự đồng ý của trường đang theo học và trường muốn chuyển, đồng thời phải tuân theo quy định chuyển ngành, chuyển trường của các trường. Trong suốt thời gian nhận học bổng, ứng viên chỉ được chuyển ngành, chuyển trường duy nhất một lần và phải tương đương với học vị được cấp học bổng.
 - b. Ứng viên muốn chuyển ngành, chuyển trường không cùng cấp đang theo học, bắt buộc phải nộp hồ sơ xin lại từ đầu, không được tiếp tục nhận học bổng để chuyển sang chương trình học không cùng cấp.

- c. Khi ứng viên chuyển trường, trường đang theo học sẽ ghi rõ ứng viên đang học chương trình học vị gì, bắt đầu nhận học bổng từ thời gian nào, chuyển trường thời gian nào, sẽ có công văn thông báo cho ứng viên và trường muốn chuyển. Trường tiếp nhận sẽ có công văn trả lời đồng ý tiếp nhận từ thời gian nào cũng phải thông báo cho ứng viên và trường của ứng viên học trước đó. Cả hai trường đều phải có công văn cho Bộ Giáo dục Đài Loan cùng những đơn vị liên quan.
12. Ứng viên phải phối hợp với những chính sách của Bộ Giáo dục dành cho Học bổng Đài Loan, tham gia học ngôn ngữ, tìm hiểu văn hóa, tham gia các hoạt động giao lưu học thuật.

XI. Công bố thông tin:

Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội, Việt Nam:

http://www.roc-taiwan.org/vn_vi/index.html

Phòng Giáo dục, Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội, Việt Nam:

<http://www.tweduvn.org>

2018年臺灣獎學金申請表(越南順化以北地區)

APPLICATION FORM FOR TAIWAN SCHOLARSHIP 2018

INSTRUCTIONS:

This application form should be typed and completed by the applicant. Each question must be answered clearly and completely. Detailed answers are required in order to make the most appropriate arrangements. If necessary, additional pages of the same size may be attached. 本表請申請人詳實工整填寫，慎勿遺漏，以利配合作業，如有需要，申請人可自行以同款紙張加頁說明。

Please check. 請選以下選項

Which type of scholarship are you applying for?

- Undergraduate Scholarship 大學獎學金
 Master Scholarship 碩士獎學金
 Doctoral Scholarship 博士獎學金

1. PERSONAL DATA 個人基本資料

a. SEX 性別	<input type="checkbox"/> Male 男 <input type="checkbox"/> Female 女	Please attach a recent photograph taken within the last 3 months. 最近三個月相片
b. NAME 姓名	Vietnamese Name 越文姓名： Chinese Name 中文姓名：	
c. CITY and COUNTRY OF BIRTH 出生城市及國別		
d. NATIONALITY 國籍	*Note: If one or both of your parents was an ROC national at the time of your birth, you are an ROC national as well and therefore not eligible to apply.	
e. CONTACT INFORMATION 聯絡地址、電話、電子郵件	Permanent Address 永久地址： Mailing Address 郵寄地址： Telephone 電話： Cell phone 手機： E-mail 電子郵件：	
f. PARENTS' INFORMATION 家長資料	FATHER 父	
	MOTHER 母	
	Name 姓名： Nationality 國籍： Place of Birth 出生地：	Name 姓名： Nationality 國籍： Place of Birth 出生地：
g. MARITAL STATUS 婚姻狀況	<input type="checkbox"/> Single 單身 <input type="checkbox"/> Married 已婚	

h. DATE of BIRTH 生日	(Day 日 / Month 月 / Year 年) :		
i. PAST RESIDENCE in TAIWAN 曾居住臺灣	<input type="checkbox"/> Never 否; <input type="checkbox"/> Yes 是, from 從	(dd/mm/yr) to 到	(dd/mm/yr)
	Reason for residence 居住事由 :		
j. Taiwan Scholarship/ Huayu Enrichment Scholarship Award History 臺灣獎學金/華 語文獎學金受獎紀錄	<input type="checkbox"/> None 無; <input type="checkbox"/> Yes 是, from 從	(dd/mm/yr) to 到	(dd/mm/yr)
	Types of Scholarship Awarded 曾受領獎學金類別 :		
k. HEALTH CONDITION 健康狀況	<input type="checkbox"/> Excellent 優	<input type="checkbox"/> Good 良	<input type="checkbox"/> Fair 可
l. CHRONIC DISEASES 慢性病	<input type="checkbox"/> None 無		
	<input type="checkbox"/> Yes 有 Please specify 請指明 :		
m. CONTACT PERSON, IN CASE OF AN EMERGENCY 緊急事件聯絡人	Name 姓名:	Relationship 關係:	
	Address 地址:		
	Telephone 電話:	Cell phone 手機:	
	E-mail 電子郵件:		

2. LANGUAGE PROFICIENCY 語言能力

English Test 英語能力證書: Date 日期(year /month): Level 通過等級: Score
總分:

Chinese Test 華語能力證書: Date 日期(year /month): Level 通過等級: Score
總分:

LANGUAGE PROFICIENCY 語言能力	COMPREHENSION 聽			READING 讀			WRITING 寫			SPEAKING 說		
	Excellent 優	Good 良	Fair 可	Excellent 優	Good 良	Fair 可	Excellent 優	Good 良	Fair 可	Excellent 優	Good 良	Fair 可
CHINESE												
ENGLISH												
(Other, please state)												

3. EDUCATIONAL BACKGROUND 教育背景

Level 程度	Name of Institution 校名	Country & City 地點	1. Graduate yyyy/mm 畢業 2. GPA 學業平均成績
----------	---------------------------	----------------------	---

Secondary Education 中學			1. 2.
College Education 專科			1. 2.
Undergraduate Level Education 大學			1. 2.
Graduate Level Education 研究所			1. 2.

4. REFERENCES 推薦單位 (人) 資料

Name 姓名	Position 職務	Telephone, E-Mail, Mailing Address 電話、電郵、地址

5. PREVIOUS EMPLOYMENT (Use one line for each position) 工作經歷

Position 職務	Company/Organization 機構名稱	Period of Employment 服務期間	Responsibilities 工作說明

6. PRESENT EMPLOYMENT 目前工作職務狀況

a. COMPANY/ ORGANIZATION 任職機構名稱		
b. POSITION 職稱		c. From 起始日期：

d. CONTACT INFORMATION 聯絡資訊	Address 地址： Telephone 電話： Fax 電傳： Cell phone 手機： E-mail 電子郵件：
e. TYPE OF ORGANIZATION 機構種類	<input type="checkbox"/> Govt. Ministry/ Agency 政府部門 <input type="checkbox"/> Locally-owned Enterprise 私人企業 <input type="checkbox"/> University/ Institution 大學校院 <input type="checkbox"/> Joint Venture 合資企業 <input type="checkbox"/> Govt./State-owned Enterprise 公營企業 <input type="checkbox"/> International Enterprise 國際公司 <input type="checkbox"/> NGO 非政府國際組織
f. PRESENT DUTIES & YEARS OF EMPLOYMENT 現任職務及資歷年限	

7. UNIVERSITY/DEPARTMENT, YOU APPLY TO ATTEND IN TAIWAN 擬申請大學校院系所

(1)University/College: Department/Program:
(2)University/College: Department/Program:
(2)University/College: Department/Program:

8. PLEASE BRIEFLY STATE YOUR STUDY PLAN WHILE IN TAIWAN 請簡述去臺灣的讀書計畫

(Please attach your detail study plan in A4 paper. 請以 A4 紙另附詳細讀書計畫)

9. DECLARATION 聲明： I declare that 本人聲明下列事實：

- I am neither concurrently an ROC national, nor an overseas compatriot of the ROC;

本人既不是中華民國的國民，也不是中華民國的海外僑民；

- I am not currently undertaking studies in Taiwan for the same educational level as the scholarship type for which I am applying;

本人目前並未在臺灣就讀本次準備申請獎學金類別之同等級教育；

- I am not applying for this scholarship as an exchange student resulting from an agreement signed between my home institution and any Taiwan university/college;

本人並非以本身就讀學校與任何臺灣學校簽約合作的交換學生身分來申請本項獎學金；

- The information I have given on this application is complete and accurate to the best of my knowledge.

本人已基於充分瞭解提供本件申請表中各項完整而正確的信息。

Applicant's Signature 申請人簽名：

Date 日期

____/____/____